

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+CLO	7:25	7+15	0+0		0+22	0+0	
2		TD1+TD2	7:25	14+8	0+0		14+8	0+0	
3		TD2+P5+P8	9:25	19+3+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	
4		BK14+BK3+BK4	9:25	12+0+9	0+0+0		7+2+10	0+0+0	chuyen 4 bk3-bk4

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2024	TO: BK4 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - TTRUNG -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUANG HOAN	BK4	75-76	2	20	2	15	87	DVL	Vietnamese
2	TRAN QUOC TOAN	BK4	70	1	17			90	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI ANH TUAN	BK4	73-74	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG QUANG HUNG	BK4	71	1	15	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
5	TRUONG THE HUY	BK4	68-69	2	20	2	35	63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TRUONG	BK4	77-78	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TUAN	BK4	67	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI DUC LUAN	CLO	43-44	2	11	2	40	75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN CONG PHU	CLO	38	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LOC	CLO	03	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN VINH	CLO	40	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LY	CLO	48	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN LY	CLO	46	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN DINH HAI	CLO	39	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NGOC HAI	CLO	37	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN KIM HUNG	CLO	72,49	2	20			74	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG VAN THO	CLO	02	1	8			81	KHOAN	Vietnamese
18	BUI QUOC GIA	CLO	45	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	41	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
20	NGO THE ANH	CLO	47	1	5			68	PSV	Vietnamese
21	HOANG HUU THU	CLO	04	1	5			74	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN CUONG	CLO	42	1	4			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK4	7	506	11	129	5	65	1		
2	CLO	15	1.083	17	113	2	40	21		
TOTAL		22	1.589	28	242	7	105	22		
WEIGHT KG			1.589		242		105			

GRAND TOAL: 1.936 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2024	TO: TD1 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPHÚ - THÀNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	STESHIN VALERIY	TD1	76	1	18			160	KHOAN	Russian
2	NGUYEN ĐĂNG KHOA	TD1	72	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN MANH	TD1	63	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC CUONG	TD1	73-74.	2	15			67	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH ĐỨC TIEN	TD1	75	1	9	4	80	73	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN MINH	TD1	71	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
7	VU MẠNH HAI	TD1	69	1	6			82	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG SÁNG	TD1	65-66	2	7			55	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ THẾ CÔNG	TD1	64	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN NGỌC	TD1	67	1	3			79	PSV	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TINH	TD1	70	1	4			93	PSV	Vietnamese
12	HOANG NGOC KHANH	TD1	68	1	4			75	PSV	Vietnamese
13	HA TAN ĐUOC	TD1	62	1	8			80	PSV	Vietnamese
14	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	600	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH QUỐC KHANH	TD2	02	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
16	VU VAN ĐOAI	TD2	05	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN PHUONG	TD2	01	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TUAN ANH	TD2	03	1	4			91	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN PHONG	TD2	07	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
20	VÔ SĨ MINH TÂN	TD2	06	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN TRUNG THÀNH	TD2	04	1	15			62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	13	1.044	15	103	4	80	14		
2	TD2	8	572	8	50	0	0	8		
TOTAL		21	1.616	23	153	4	80	22		
WEIGHT KG			1.616		153		80			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2024	TO: TD2 - P5 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - TTRUNG - MQUAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	10-11	2	10			67	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HỮU HẬU	TD2						70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ HUNG CUONG	TD2	08	1	10			98	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ VĂN HUNG	TD2	17	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TIỀN QUÂN	TD2	09	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TRƯỞNG LAM	TD2	12	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
7	VÕ TẤN HOA	TD2	28-29	2	20			72	SCHLUMBE	Vietnamese
8	VŨ MẠNH ĐIẾP	TD2	22	1	11	5	47	75	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC BIỂU	TD2	18	1	11			65	CODIEN	Vietnamese
10	CAO XUÂN DŨNG	TD2	24	1	15			74	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN MINH TÙNG	TD2	25	1	16			77	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN ĐƯƠNG	TD2	23	1	17			72	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD2	26-27	2	17			54	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ THANH HIỆU	TD2	20	1	11			71	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	21	1	10	4	43	77	CODIEN	Vietnamese
16	HOÀNG MINH SƠN	TD2	14	1	11			71	ANTOAN	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN TIỀN	TD2	19	1	7			55	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHÚC	TD2	15-16	2	13			86	ANTOAN	Vietnamese
19	DƯƠNG MINH VIỆT	TD2	30-31	2	12	3	24	64	DVL	Vietnamese
20	TẠ VĂN CUÔNG	P5	85	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHÀN	P5	84	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
22	PHƯƠNG THỊ THANH ĐỨC	P5	83	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	19	1.357	23	210	12	114	19		
2	P5	3	192	3	13	0	0	0		
3	P8	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.549	26	223	12	114	22		
WEIGHT KG			1.549		223		114			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2024	TO: BK14 - BK3 - BK4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPHÚ - THÀNH	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LƯƠNG MINH KIẾN	BK14	58	1	14			65	XAYLAP	Vietnamese
2	HÀ MẠNH CUÔNG	BK14	61-62	2	22			67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂN	BK14	50	1	20			55	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH MINH	BK14	51-52	2	17			50	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DIỄN	BK14	53	1	11			63	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MINH TÀI	BK14	57	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN TUÂN	BK14	55	1	15	1	14	70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG THANH	BK14	49	1	14			89	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG XUÂN VĂN	BK14	54	1	7			83	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC HÒA	BK14	59-60	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THUY	BK14	47	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRI	BK14	48	1	7			75	PSV	Vietnamese
13	TRẦN TUÂN VIỆT	BK4	96	1	10	1	15	61	XAYLAP	Vietnamese
14	LÂM QUANG QUÝ	BK4	41	1	10	1	15	72	XAYLAP	Vietnamese
15	VÌ THAI	BK4	92-93	2	22			59	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN HẠO	BK4	91	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TRƯỞNG	BK4	94-95	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ NGỌC KÝ	BK4	98-99	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN TUÂN	BK4	42-43	2	22			63	XAYLAP	Vietnamese
20	HÌNH NGỌC GIANG	BK4	39-40	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN QUÂN	BK4	38	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	12	814	15	169	1	14	7		
2	BK3	0	0	0	0	0	0	2 + 4		CHUYEN 4 BK3-BK4
3	BK4	9	586	14	141	2	30	9		
TOTAL		21	1.400	29	310	3	44	18		
WEIGHT KG			1.400		310		44			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6+BK21+P1	7:25	1+0+19	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYEN 1 BK6-BK21
2		P5+P4+TD2	7:25	8+9+5	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
3		TD3	7:25	20	0		22	0	
4		RP1+RC5+TD2	9:25	0+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 2 RP1-RC5
5		CLO+RP2+TD3	9:25	8+11+2	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
6		P4	9:25	22	0		22	0	
7		TD3+P1	11:25	4+13	0+0		3+19	0+0	CHUYEN 1 TD3-P1
8		P3+BK21	11:25	13+0	0+0		21+1	0+0	
9		TGTH1+AMD+TGTH5	11:25	3+12+4	0+0+0		3+12+4	0+0+0	
10		P4+AMD	13:25	8+12	0+0		8+14	0+0	
11		BK10+P5	13:25	4+10	0+0		0+21	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P1-4NG, P5-5NG, P4-3NG,



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2024	TO: P6 - BK21 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - TU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU TOAN	P6	72	1	7	2	40	80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN TUNG	P1	63	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN XUAN LANH	P1	54	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VAN THANG	P1	66	1	5	4	80	64	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN THANG	P1	60	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGOC HAI	P1	57	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG NHAT THANH	P1	64	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
8	VU MINH PHUONG	P1						65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG HIEN	P1	55	1	2			55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO HUU HUY TU	P1						75	KH-THAC	Vietnamese
11	SMIRNOV	P1	61	1	3			99	KH-THAC	Russian
12	NGUYEN KHANH DUY	P1						87	KH-THAC	Vietnamese
13	VI KHAC THANH	P1	59	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
14	LUU VAN TUAN	P1	62	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THUONG	P1	56	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THANH HAI	P1	53	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
17	HO HUU CHUNG	P1	58	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUANG PHUOC	P1	51	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
19	VU QUANG TUYEN	P1	52	1	7			93	KH-THAC	Vietnamese
20	DUONG DUY KHUONG	P1	65	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	1	80	1	7	2	40	1	4	CHUYEN 01 PAX TU P6 SANG BK21
2	BK21	0	0	0	0	0	0	0		
3	P1	19	1.387	16	93	4	80	21		
TOTAL		20	1.467	17	100	6	120	22		
WEIGHT KG			1.467		100		120			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2024	TO: P5 - P4 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: N.ANH - QVIỆT - TOAN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ VĂN QUYẾT	P5	24	1	3			85	QUYẾT TH	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P5	21	1	4			73	D-HANH	Vietnamese
3	CHU MINH HÙNG	P5	22	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THỊ HẰNG	P5	26	1	3			57	NIPI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN LINH	P5	27	1	3			70	NIPI	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG SƠN	P5	23	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	25	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG VĂN THANH	P5	20	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
9	MARZIEV	P4	79	1	6			85	KH-THAC	Russian
10	PODYMOV	P4	78	1	7			144	KH-THAC	Russian
11	TRỊNH VIỆT THĂNG	P4	69-70	2	15			83	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NGỌC TRƯỜNG	P4	80	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOANG	P4	72-73	2	12	3	60	85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU SỸ	P4	71,74	2	18			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ HÙNG	P4	75	1	3			62	KHI	Vietnamese
16	HUYNH HỮU THẮNG	P4	76	1	2			65	KHI	Vietnamese
17	ĐOÀN VIỆT ĐIỆP	P4	77	1	3			63	KHI	Vietnamese
18	BUI VĂN CHÍNH	TD2	45	1	3			85	KHOAN	Vietnamese
19	VƯƠNG ĐÌNH LIÊN	TD2	48	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
20	BUI NGỌC DŨNG	TD2	46	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	44	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
22	ĐÌNH TIẾN HỮU	TD2	47	1	4			68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	8	596	8	34	0	0	6		
2	P4	9	739	12	78	3	60	6		
3	TD2	5	364	5	19	0	0	10		
TOTAL		22	1.699	25	131	3	60	22		
WEIGHT KG			1.699		131		60			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2024	TO: TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - THỤ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	83	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	95	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ SỸ HÙNG	TD3	96	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VĂN NGHĨA	TD3	97	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN TUẤN	TD3	82	1	3	4	70	75	KHOAN	Vietnamese
6	DUƠNG HOANG LONG	TD3	92	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ DUY THANH	TD3	85	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI THẾ DIỄN	TD3	86	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	TD3						71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH ĐỨC	TD3	98-99	2	17			95	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	TD3						79	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC SƠN	TD3	88	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	TD3	89	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN UT	TD3	87	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	700	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NHÂN	TD3	93	1	2			72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	90	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TIẾN HIỆP	TD3	84	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI CÔNG LAN	TD3	94	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
20	LÂM ĐĂNG GIANG	TD3	91	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	20	1.453	19	87	4	70	22		
TOTAL		20	1.453	19	87	4	70	22		
WEIGHT KG			1.453		87		70			

GRAND TOAL: 1.610 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2024	TO: RP1 - RC5 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - TÚ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN VĂN TRƯỜNG	TD2	63-64	2	11	1	20	74	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	60	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
3	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	86	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VĂN HOÀNG	TD2	49	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
5	TÔ TUẤN DUY	TD2	59	1	15			110	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ PHÚ	TD2	84	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM TIẾN VINH	TD2	83	1	13			84	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN QUANG	TD2	58	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD2	85	1	7			60	D-HANH	Vietnamese
10	VU THANH ĐẠT	TD2	56-57	2	13			70	CODIEN	Vietnamese
11	NGÔ KIM LAM	TD2	61	1	15	1	14	72	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN TOÀN THẮNG	TD2	50	1	16	1	17	73	CODIEN	Vietnamese
13	VU ĐÌNH NAM	TD2	54-55	2	18			69	CODIEN	Vietnamese
14	CHU TUẤN ANH	TD2	98	1	14	1	11	60	CODIEN	Vietnamese
15	MAI HUY TÚ	TD2	87-88	2	18			60	DVL	Vietnamese
16	HOÀNG GIANG LAM	TD2						80	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH THAI	TD2	52	1	5			100	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT TRIỆU	TD2	53	1	4			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	0	0	0	0	4	52	142		CHUYEN 2 PAX RP1-RC5
2	RC5	0	0	0	0	0	0	0		
3	TD2	18	1.336	21	179	4	62	21		
TOTAL		18	1.336	21	179	8	114	22		
WEIGHT KG			1.336		179		114			

GRAND TOAL: 1.629 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2024	TO: CLO - RP2 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: N.ANH - QVIỆT - TOAN	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGỌC TUÂN	CLO	32-33	2	16	1	20	80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HAI	CLO	34	1	15			82	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN ANH	CLO	37	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN KÝ	CLO	40	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	CLO	36	1	10			94	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLO	38-39	2	21			83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CLO	41	1	15			87	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH LỢI	CLO	35	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐIỆP PHI	RP2				4	70	80	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN DOANH	RP2						72	KHOAN	Vietnamese
11	CAO ĐÌNH THANH	RP2	12	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	RP2	16	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NAM	RP2	11	1	8			86	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUYNH	RP2	17-18	2	10			66	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NHẬT QUANG	RP2	10	1	10			58	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HOÀ	RP2	19-20	2	8			81	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN CHINH	RP2	09	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ VĂN TUÂN TỬ	RP2	21	1	7	1	3	71	PSV	Vietnamese
19	TRẦN QUANG PHU	RP2	13-15	3	14			60	DK9	Vietnamese
20	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG	TD3	77	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HOÀI THANH	TD3	76	1	6			63	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	8	637	10	113	1	20	1		
2	RP2	11	772	13	82	5	73	17		
3	TD3	2	149	2	13	0	0	4		
TOTAL		21	1.558	25	208	6	93	22		
WEIGHT KG			1.558		208		93			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2024	TO: P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - THỤ	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	43	1	5			53	KH-THAC	Vietnamese
2	LÂM VĂN PHÚC	P4	46	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	P4	50	1	3	2	40	74	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG KHÁC DŨ	P4	34-36	3	16			65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN CŨ	P4						57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO MINH TUẤN	P4						73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HẢI	P4	29	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG THẾ ANH	P4	41	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÂM XUÂN HẢI	P4	40	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	51	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HẢI	P4	55	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NAM	P4	39	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
13	CHAU ĐÌNH TŨ	P4	52-53	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG PHỤNG	P4	42	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU THANH	P4						64	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH QUANG HUY	P4	32-33	2	12			70	NIPI	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN TRƯỞNG	P4	37-38	2	11			80	NIPI	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÂM	P4	47-49	3	17			65	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HIỀN	P4	56	1	5			70	CODIEN	Vietnamese
20	HOÀNG MINH THƯỜNG	P4	44-45	2	15			63	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOÀNG	P4	54	1	10			77	CODIEN	Vietnamese
22	HOÀNG MINH TUẤN	P4	57	1	11			73	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	22	1.496	27	155	2	40	22		
TOTAL		22	1.496	27	155	2	40	22		
WEIGHT KG			1.496		155		40			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2024	TO: TD3 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SƠN - DTÙNG	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	71	1	6	1	17	72	YTE	Vietnamese
2	ĐẠO TUẤN CHỦ	TD3	74	1	4			66	PSV	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CÂN	TD3	73	1	5			67	PSV	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC CÀNH	TD3	75	1	4			63	PSV	Vietnamese
5	TRINH HUNG ANH	TD3	72	1	10			53	KHOAN	Vietnamese
6	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	P1	65	1	4			122	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	66	1	2			63	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	69	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
9	CHÂU HUNG HUY	P1	67-68	2	12			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	51	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH HIỂU	P1	64	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐỨC	P1	70-71	2	15	2	19	78	T-TIN	Vietnamese
13	HOANG VAN LINH	P1	54-55	2	11			60	YTE	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN LƯU	P1	52	1	5			54	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HẬU	P1	57-58	2	5			73	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN LÊ KIẾN	P1	53	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TUYẾN	P1						63	KHOAN	Vietnamese
18	BUI NGOC TU	P1	56	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
19	LE NGOC CUONG	P1	62	1	16	3	45	73	XAYLAP	Vietnamese
20	LE VAN TINH	P1	59	1	15			64	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN BA CUONG	P1	60-61	2	22			67	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG TUAN	P1	63	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	5	321	5	29	1	17	3 + 1		CHUYEN 1 PAX TD3-P1
2	P1	17	1.226	21	153	5	64	19		
TOTAL		22	1.547	26	182	6	81	22		
WEIGHT KG			1.547		182		81			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2024		TO: P3 - BK21		AIRCRAFT: 406				ETD: 12:15		
FLIGHT: 8		FROM: VT		CREW: XHOÀN - ĐNAM - QTRƯỜNG				ETA: 14:05		
TRANG-3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	P3	69-70	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BAO TOÀN	P3	25	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO ĐÌNH HUY	P3	61	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
4	LÂM TUẤN KHAI	P3	65	1	5	1	14	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	60	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VINH	P3	29	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TAM THUY	P3	28	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ NGHĨA TÀI	P3	26	1	4	4	70	67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG THANH	P3	62	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM LÊ DƯƠNG	P3	67	1	5	1	5	78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH SONG HAI	P3	63	1	7	1	7	60	YTE	Vietnamese
12	ĐO HOÀI NAM	P3	27	1	6			65	PSV	Vietnamese
13	CAO DUY LUNG	P3	71	1	6			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	13	900	14	75	7	96	21		
2	BK21	0	0	0	0	1	10	1		
TOTAL		13	900	14	75	8	106	22		
WEIGHT KG			900		75		106			

GRAND TOAL: 1.081 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2024	TO: TGTH1 - AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TGTH1	66	1	10			95	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	64	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	65	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN AN	AMD	49	1	6			70	HLJOC	Vietnamese
5	NGUYỄN LÊ HỒNG VU	AMD	55	1	5			60	TLJOC	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	61-62	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG THẾ HIẾN	AMD	60	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HIỆU THẢO	AMD	56	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	50	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ANH NGŨ	AMD	59	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ BÀ THANH	AMD	54	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	52-53	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	48	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIẾN	AMD	51	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	57-58	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN MINH KIẾN	TGTH5	10	1	7			68	HLJOC	Vietnamese
17	TRẦN HAI NAM	TGTH5	11-12	2	11	1	9	60	HLJOC	Vietnamese
18	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	09	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUỐC THUẬN	TGTH5	08	1	4			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1	3	248	3	29	0	0	3		
2	AMD	12	798	15	95	0	0	12		
3	TGTH5	4	261	5	28	1	9	4		
TOTAL		19	1.307	23	152	1	9	19		
WEIGHT KG			1.307		152		9			

GRAND TOAL: 1.468 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2024	TO: P4 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - DTÙNG	ETA: 16:20
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHU TUÂN ANH	P4	26	1	8			74	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CAO	P4	20	1	15			66	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LÊM	P4	22	1	11			68	CODIEN	Vietnamese
4	TRỊNH NGỌC TỬ	P4	21	1	10			76	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	P4	23-24	2	20			100	CODIEN	Vietnamese
6	MAI ĐÌNH KHANG	P4	27-28	2	17			67	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ NGỌC ANH	P4	25	1	10			74	CODIEN	Vietnamese
8	HOÀNG HỮU TRỌNG	P4	18-19	2	22			68	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	41	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	32	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	36-37	2	18			85	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC THỦ	AMD	30	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	33	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN BA	AMD	28-29	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ VĂN BẠC	AMD	38	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG MẠNH PHÚ	AMD	34	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	39	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	AMD	31	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN HOÀ	AMD	40	1	4			74	PSV	Vietnamese
20	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	35	1	5			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	8	593	11	113	0	0	8		
2	AMD	12	854	14	105	0	0	14		
TOTAL		20	1.447	25	218	0	0	22		
WEIGHT KG			1.447		218		0			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2024	TO: BK10 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: XHOÀN - ĐNAM - QTRƯỜNG	ETA: 16:25
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN QUANG TUYỀN	BK10	09	1	14			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUÝ TÀI	BK10	10	1	13			60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG NGOC LAN	BK10	11	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN LINH	BK10	12-13	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔNG XUÂN SINH	P5	32	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	35	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	34	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	31	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
9	DOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	30	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CAO MẠNH	P5	37	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH PHƯỢNG	P5	33	1	8			60	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	P5	36	1	6			66	YTE	Vietnamese
13	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P5	29	1	5			65	PSV	Vietnamese
14	ĐÀO XUÂN THANH	P5	28	1	3			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK10	4	272	5	57	0	0	0		
2	P5	10	690	10	52	0	0	22		
TOTAL		14	962	15	109	0	0	22		
WEIGHT KG			962		109		0			

GRAND TOAL: 1.071 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN